

Số/No...209/2026/SBB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và
hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026, kết thúc tại
ngày 30/06/2026)

(Information disclosure of Separate and
Consolidated Interim Financial Statements for
the first half of year 2026 ended June 30, 2026)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hồ Chí Minh City, August 28th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: *Hanoi Stock Exchange (HNX)*



Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company would like to disclose the financial statements second quarter of year 2026 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây

Name of Organization: Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: SBB

Stock code: SBB

– Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Ward Sai Gon, HCMC, Vietnam

– Điện thoại/Tel:

Fax:

– Email: info@sabibeco.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– BCTC giữa niên độ năm 2026/*Financial Statements for the first half of year 2026*

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in ..)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm...):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Yes

☐ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☐ Yes

☒ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://sabibeco.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website at the link: <https://sabibeco.com/shareholder/>

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lee Chio Lim Larry

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng giữa niên độ năm 2026/
*Separate Interim Financial Statements
for the first half of year 2026 Ended June
30, 2026*
- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm
2026/ *Consolidated Interim Financial
Statements for the first half of year
2026 Ended June 30, 2026*

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
BIA SÀI
GÒN BÌNH
TÂY**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN
BÌNH TÂY
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN
BÌNH TÂY, ST=Hồ Chí Minh,
UID=MST:0304116373
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.28
17:31:20
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2026.1.2





**Công ty Cổ phần Tập đoàn
Bia Sài Gòn Bình Tây**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005
Doanh nghiệp số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304116373 ngày 19 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Tan Teck Chuan Lester Ông Lâm Du An Ông Đinh Quang Hải Bà Phạm Thị Thanh Thùy Ông Văn Thảo Nguyên	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lee Chio Lim Larry Ông Nguyễn Huy Cảnh Ông Phạm Tấn Lợi Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ông Văn Thảo Nguyên Bà Văn Bảo Ngọc	Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 9 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 9 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2025)
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Hòa Bà Bùi Thị Thái Hà Bà Mai Đỗ Minh Văn	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tan Teck Chuan Lester Ông Lee Chio Lim Larry	
Trụ sở đăng ký	08 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lee Chio Lim Larry

Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00415-26-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		511.868.828.267	552.915.180.857
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		91.661.357.669	35.298.652.301
Tiền	111	9	91.661.357.669	35.298.652.301
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.035.287.671	20.198.082.187
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	10(a)	23.035.287.671	20.198.082.187
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255.946.660.945	381.256.381.100
Phải thu của khách hàng	131	11	246.061.464.688	351.590.594.255
Trả trước cho người bán	132		2.143.131.815	1.166.624.935
Phải thu ngắn hạn khác	135	12	37.520.087.937	40.844.465.496
Dự phòng phải thu khó đòi	136	13	(29.778.023.495)	(12.345.303.586)
Hàng tồn kho	140	14	138.245.685.993	113.448.461.474
Hàng tồn kho	141		153.440.123.655	127.305.442.645
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(15.194.437.662)	(13.856.981.171)
Tài sản ngắn hạn khác	160		2.979.835.989	2.713.603.795
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		2.142.751.823	1.876.519.629
Thuế phải thu Nhà nước	163		837.084.166	837.084.166

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		1.364.671.612.470	1.402.593.968.083
Các khoản phải thu dài hạn	210		761.312.500	16.000.000
Phải thu dài hạn khác	215		761.312.500	16.000.000
Tài sản cố định	220		370.202.574.377	505.981.627.544
Tài sản cố định hữu hình	221	15	365.297.034.830	443.052.081.527
Nguyên giá	222		1.945.198.052.773	2.026.386.188.193
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.579.901.017.943)	(1.583.334.106.666)
Tài sản cố định vô hình	227	16	4.905.539.547	62.929.546.017
Nguyên giá	228		10.515.148.490	85.517.649.990
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.609.608.943)	(22.588.103.973)
Bất động sản đầu tư	240	17	103.591.556.521	-
Nguyên giá	241		162.090.239.411	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(58.498.682.890)	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		3.614.747.000	2.840.530.000
Xây dựng cơ bản dở dang	252		3.614.747.000	2.840.530.000
Đầu tư tài chính dài hạn	260		842.801.019.835	850.899.145.862
Đầu tư vào các công ty con	261	10(c)	837.487.284.146	837.487.284.146
Đầu tư vào các công ty liên kết	262	10(c)	40.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(c)	222.772.113.158	222.772.113.158
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	264	10(c)	(613.360.251.442)	(613.360.251.442)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	10(b)	355.901.873.973	364.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	270		43.700.402.237	42.856.664.677
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	18	40.020.385.094	39.602.429.256
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	14(b)	3.680.017.143	3.254.235.421
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.876.540.440.737	1.955.509.148.940

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		244.845.196.774	423.557.151.004
Nợ ngắn hạn	310		240.100.036.774	423.557.151.004
Phải trả người bán	311	19	51.804.643.357	46.466.338.766
Người mua trả tiền trước	312		18.289.377.186	10.540.941.359
Phải trả cổ tức	313	20	20.229.706.200	2.744.799.000
Thuế phải nộp Nhà nước	314	21	128.520.513.532	195.219.635.411
Phải trả người lao động	315		1.948.161.457	5.401.272.124
Chi phí phải trả	316	22	6.104.002.157	6.066.928.314
Phải trả ngắn hạn khác	320		3.085.615.514	1.152.330.702
Vay ngắn hạn	321	23	-	150.375.762.204
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	24	10.118.017.371	5.589.143.124
Nợ dài hạn	330		4.745.160.000	-
Phải trả dài hạn khác	338		4.745.160.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25	1.631.695.243.963	1.531.951.997.936
Vốn cổ phần	411	26	875.245.360.000	875.245.360.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		319.741.133.499	219.997.887.472
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	420a		204.172.336.562	93.040.922.646
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ/năm</i>	420b		115.568.796.937	126.956.964.826
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.876.540.440.737	1.955.509.148.940

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:


Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:


Ngô Việt Hà
Kế toán trưởng


Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

			Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	990.169.630.263	848.923.690.805
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	831.266.854.520	805.401.481.716
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		158.902.775.743	43.522.209.089
Doanh thu hoạt động tài chính	22	31	15.169.560.008	35.177.040.520
Chi phí tài chính	23	32	2.893.946.276	8.376.732.213
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		2.600.264.314	8.370.717.797
Chi phí bán hàng	25	33	4.619.652.774	7.784.351.617
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	39.767.716.863	12.843.609.079
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	30		126.791.019.838	49.694.556.700
Thu nhập khác	31		303.842.701	98.693.273
Chi phí khác	32		188.711.853	34.553.624
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		115.130.848	64.139.649
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		126.906.150.686	49.758.696.349
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		126.906.150.686	49.758.696.349

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:

 Hoàng Lan Hương
 Kế toán

Người duyệt:

 Ngô Việt Hà
 Kế toán trưởng



 Lee Chio Lim Larry
 Tổng Giám đốc kiêm
 Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	số	minh	30/6/2026	30/6/2025
			VND	VND
				(Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		126.906.150.686	49.758.696.349
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		39.830.839.541	42.910.157.116
Các khoản dự phòng	03		19.971.410.874	21.556.638.291
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(15.288.597.319)	(34.505.151.909)
Chi phí đi vay	06		2.600.264.314	8.370.717.797
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		174.020.068.096	88.091.057.644
trước những thay đổi vốn lưu động				
Biến động các khoản phải thu	09		103.706.688.246	(79.034.609.815)
Biến động hàng tồn kho	10		(27.761.697.206)	18.705.111.926
Biến động các khoản phải trả và				
nợ phải trả khác	11		(55.319.102.615)	103.961.136.521
Biến động chi phí chờ phân bổ	12		(1.196.845.906)	10.353.354.853
			193.449.110.615	142.076.051.129
Chi phí đi vay đã trả	14		(2.725.133.834)	(9.989.098.119)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.268.046.130)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20		186.455.930.651	132.086.953.010
kinh doanh				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(3.877.035.420)	(4.587.626.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		324.545.455	181.818.182
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(23.000.000.000)	-
Tiền chi cho đơn vị khác vay	23		-	(144.000.000.000)
Tiền thu hồi cho đơn vị khác vay	24		14.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và				
phân phối lợi nhuận	27		32.855.026.886	167.218.650.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	30		20.302.536.921	18.812.842.912
đầu tư				

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn BIA Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
-------	-------------	---	------------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	47.446.632.915	394.057.570.451
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(197.822.395.119)	(510.049.980.865)
Tiền chi trả cổ tức	36	(20.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.395.762.204)	(115.992.410.414)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	56.362.705.368	34.907.385.508
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	35.298.652.301	14.607.708.916
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	91.661.357.669	49.515.094.424

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:





Ngô Việt Hà
Kế toán trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 5158/TB-SGDHN ngày 5 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SBB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán bia, rượu mạch nha và mạch nha; sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ uống, phế liệu kim loại và phi kim loại; cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ; và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty bao gồm Văn phòng Công ty, Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương, Nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh và Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 293 nhân viên (1/1/2026: 295 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(l)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ những chính sách kế toán được đề cập trong Thuyết minh số 3.

(a) Giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, phải thu về cho vay và các khoản lãi phải thu tương ứng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác (Thuyết minh số 4(d)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 4(c)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 43 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là 41 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 49 năm |
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 25 năm |

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh số 4(l)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại ngày mà quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán của Công ty trở nên vô điều kiện.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4(k), từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập từ cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia cùng các loại đồ uống không cồn. Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ. Ban Giám đốc đánh giá rằng các mảng hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

9. Tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	8.930.924	8.930.924
Tiền gửi ngân hàng (*)	91.652.426.745	35.289.721.377
	91.661.357.669	35.298.652.301

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	91.612.699.538	34.302.298.736
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	39.727.207	987.422.641
	91.652.426.745	35.289.721.377

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	23.035.287.671	-
<i>Phải thu lãi cho vay (ii)</i>		
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận, một công ty con	-	20.198.082.187
	23.035.287.671	20.198.082.187

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 8,0% một năm (1/1/2026: không).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
<i>Phải thu về cho vay (ii)</i>			
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận, công ty con	2031	355.901.873.973	364.000.000.000

- (ii) Các khoản cho một công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất 6,7% một năm (1/1/2026: 6,5% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn (nếu có) của các hợp đồng vay tương ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty con (i)	837.487.284.146	(611.860.251.442)	225.627.032.704	837.487.284.146	(611.860.251.442)	225.627.032.704
Đầu tư vào công ty liên kết (ii)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	222.772.113.158	(1.500.000.000)	221.272.113.158	222.772.113.158	(1.500.000.000)	221.272.113.158
	1.100.259.397.304	(613.360.251.442)	486.899.145.862	1.100.259.397.304	(613.360.251.442)	486.899.145.862

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	30/6/2026				1/1/2026		
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bía Sài Gòn Bình Tây	100%	200.000.000.000	(*) (200.000.000.000)		100%	200.000.000.000	(*) (200.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bía Sài Gòn - Phú Lý	100%	225.627.032.704	(*) -		100%	225.627.032.704	(*) -
▪ Công ty TNHH Bía Sài Gòn - Ninh Thuận	100%	411.860.251.442	(*) (411.860.251.442)		100%	411.860.251.442	(*) (411.860.251.442)
		837.487.284.146	(611.860.251.442)			837.487.284.146	(611.860.251.442)

Biến động của khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND		30/6/2025 VND	
Số dư đầu kỳ	837.487.284.146		978.653.450.464	
Giảm trong kỳ	-		(141.166.166.318)	
	837.487.284.146		837.487.284.146	

Số dư cuối kỳ



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	30/6/2026		1/1/2026	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	40.000.000.000 (*)	20,20%	40.000.000.000 (*)

Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	
Số dư đầu kỳ		40.000.000.000		240.605.263.158
Chuyển sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-		(200.605.263.158)
Số dư cuối kỳ		40.000.000.000		40.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	11.666.670.000	20.739.450.370	-	11.666.670.000	22.310.173.041	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	15.156.303.120	-	9.000.180.000	15.633.312.660	-
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	200.605.263.158	(*)	-	200.605.263.158	(*)	-
	222.772.113.158		(1.500.000.000)	222.772.113.158		(1.500.000.000)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	222.772.113.158	22.166.850.000
Chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết	-	200.605.263.158
Số dư cuối kỳ	222.772.113.158	222.772.113.158

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần				
Bia - Rượu - Nước				
Giải Khát Sài Gòn	121.188.896.653	-	228.440.383.689	-
Công ty TNHH Thương				
mại và Dịch vụ Bia Sài				
Gòn Bình Tây	111.155.053.352	(17.432.719.909)	109.166.670.894	-
Các khách hàng khác	13.717.514.683	(12.345.303.586)	13.983.539.672	(12.345.303.586)
	246.061.464.688	(29.778.023.495)	351.590.594.255	(12.345.303.586)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Cổ phần				
Bia - Rượu - Nước				
Giải Khát Sài Gòn	121.188.896.653	-	228.440.383.689	-
Công ty con				
Công ty TNHH Thương				
mại và Dịch vụ Bia Sài				
Gòn Bình Tây	111.155.053.352	(17.432.719.909)	109.166.670.894	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Một				
Thành viên Thương				
mại Bia Sài Gòn	239.562.659	-	229.743.846	-
Công ty Cổ phần Nước				
Giải khát Chương				
Dương	219.094.200	-	-	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn, ngoại trừ khoản phải thu thương mại từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây có thể thu hồi trong vòng 365 ngày kể từ ngày hóa đơn.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu cổ tức	36.560.000.500	39.985.000.000
Phải thu khác	960.087.437	859.465.496
	37.520.087.937	40.844.465.496

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty con				
▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	111.155.053.352	(17.432.719.909)	93.722.333.443	- 109.166.670.894
Các khách hàng là bên thứ ba				
▪ Công ty TNHH MTV Khánh Vân Kom Tum	6.349.916.299	(6.349.916.299)	-	(6.349.916.299)
▪ KTCR KASEKAM Co., Ltd.	4.213.803.500	(4.213.803.500)	-	(4.213.803.500)
▪ Các khách hàng khác	1.809.183.787	(1.781.583.787)	27.600.000	(1.781.583.787) 27.600.000
	123.527.956.938	(29.778.023.495)	93.749.933.443	(12.345.303.586) 109.194.270.894

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	
	VND		VND	
Số dư đầu kỳ			12.345.303.586	247.099.884
Dự phòng trích lập trong kỳ			17.432.719.909	-
Số dư cuối kỳ			29.778.023.495	247.099.884

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	68.607.578.430	(6.158.879.530)	70.580.933.216	(3.866.925.102)
Công cụ và dụng cụ	7.260.944.247	(6.283.992.703)	7.359.472.186	(7.238.490.640)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.208.664.473	-	30.121.374.334	-
Sản phẩm	39.460.138.878	-	12.941.334.451	-
Hàng hóa	15.654.929	-	1.332.224.160	-
Hàng gửi đi bán	3.887.142.698	(2.751.565.429)	4.970.104.298	(2.751.565.429)
	153.440.123.655	(15.194.437.662)	127.305.442.645	(13.856.981.171)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc thù của hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo việc xác định giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Công ty đã xác định một số hàng tồn kho có dấu hiệu chậm luân chuyển và quyết định trích lập dự phòng đối với các mặt hàng tồn kho này theo các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng của Công ty.

Bao gồm, trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 15.194 triệu VND (1/1/2026: 13.857 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời hoặc chậm luân chuyển.

Biến động của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	13.856.981.171	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.924.949.477	11.363.807.384
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.174.431.049)	-
Dự phòng đã sử dụng trong kỳ	(1.413.061.937)	-
Số dư cuối kỳ	15.194.437.662	11.363.807.384

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	13.810.770.387	(10.130.753.244)	13.596.816.128	(10.342.580.707)

Bao gồm trong thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 10.131 triệu VND (1/1/2026: 10.343 triệu VND) thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế đã lỗi thời hoặc chậm luân chuyển.

Biến động của khoản dự phòng cho thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.342.580.707	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	75.578.623	10.192.830.907
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(287.406.086)	-
Số dư cuối kỳ	10.130.753.244	10.192.830.907

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dây chuyền đóng chai	62.449.920.267	67.380.177.129
Dây chuyền chiết lon	44.682.380.442	47.992.186.398
Tòa nhà Sagota	-	48.188.548.273
Khác	258.164.734.121	279.491.169.727
	365.297.034.830	443.052.081.527

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	84.390.024.990	1.127.625.000	85.517.649.990
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(75.002.501.500)	-	(75.002.501.500)
Số dư cuối kỳ	9.387.523.490	1.127.625.000	10.515.148.490
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	21.460.478.973	1.127.625.000	22.588.103.973
Khấu hao trong kỳ	879.243.468	-	879.243.468
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.857.738.498)	-	(17.857.738.498)
Số dư cuối kỳ	4.481.983.943	1.127.625.000	5.609.608.943
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	62.929.546.017	-	62.929.546.017
Số dư cuối kỳ	4.905.539.547	-	4.905.539.547

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá là 1.128 triệu VND (1/1/2026: 1.128 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Quyền sử dụng đất – Nhà máy Hoàng Quỳnh	4.905.539.547	5.019.451.365
Quyền sử dụng đất – Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	57.910.094.652
	4.905.539.547	62.929.546.017

17. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	87.087.737.911	-	87.087.737.911
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	75.002.501.500	75.002.501.500
	87.087.737.911	75.002.501.500	162.090.239.411
Số dư cuối kỳ	87.087.737.911	75.002.501.500	162.090.239.411
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	40.640.944.392	-	40.640.944.392
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	17.857.738.498	17.857.738.498
	40.640.944.392	17.857.738.498	58.498.682.890
Số dư cuối kỳ	40.640.944.392	17.857.738.498	58.498.682.890
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	46.446.793.519	57.144.763.002	103.591.556.521

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Bất động sản đầu tư cho thuê chủ yếu (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tòa nhà Sagota	46.446.793.519	-
Quyền sử dụng đất – Nam Kỳ Khởi Nghĩa	57.144.763.002	-
	103.591.556.521	-

18. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	31.051.184.117	7.348.336.077	1.202.909.062	39.602.429.256
Tăng trong kỳ	-	1.131.414.021	2.767.614.454	3.899.028.475
Phân bổ trong kỳ	(512.657.874)	(2.079.981.698)	(888.433.065)	(3.481.072.637)
	30.538.526.243	6.399.768.400	3.082.090.451	40.020.385.094

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	18.305.771.745	11.126.242.089
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.938.451.687	13.586.017.928
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Lê Lờ	4.558.628.900	5.097.811.950
Các nhà cung cấp khác	23.001.791.025	16.656.266.799
	51.804.643.357	46.466.338.766

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.938.451.687	13.586.017.928
Các công ty con		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	62.461.960	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	42.366.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	34.397.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	18.305.771.745	11.126.242.089
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	4.140.811.080	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	2.913.586.538	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	94.693.350	95.886.670
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	90.525.600	202.091.760
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	37.844.000	3.402.005
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	25.920.000	6.480.000
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3.058.289	16.752.357
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	1.425.971.976

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong 15 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả cổ tức

	Thời hạn thanh toán	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	Tháng 9 năm 2026	17.504.907.200	-
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	2.724.799.000	2.744.799.000
		20.229.706.200	2.744.799.000

Chi tiết cổ tức phải trả như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát		
Sài Gòn, công ty mẹ	10.437.440.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	1.008.060.000	-
Khác	8.784.206.200	2.744.799.000
	20.229.706.200	2.744.799.000

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải trả cổ tức này phản ánh các khoản cổ tức chưa được nhận bởi một số cổ đông thiểu số.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

21. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Cấn trừ VND	Đã nộp VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	173.127.298.048	809.454.942.840	-	(867.720.622.744)	114.861.618.144
Thuế giá trị gia tăng	21.617.414.191	162.611.279.091	(61.290.346.574)	(109.779.815.184)	13.158.531.524
Thuế thu nhập cá nhân	199.369.426	1.176.020.163	-	(987.686.226)	387.703.363
Các loại thuế khác	275.553.746	307.260.938	-	(470.154.183)	112.660.501
	195.219.635.411	973.549.503.032	(61.290.346.574)	(978.958.278.337)	128.520.513.532

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.940.530.000	2.840.530.000
Chi phí bảo hiểm	-	798.829.716
Chi phí lãi vay	-	124.869.520
Chi phí phải trả khác	2.163.472.157	2.302.699.078
	6.104.002.157	6.066.928.314

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2026 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	150.375.762.204	47.446.632.915	(197.822.395.119)	-

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	4,8% - 6,5%	-	150.375.762.204

Các khoản vay trên không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.589.143.124	42.092.855
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 25)	10.894.569.166	2.787.586.386
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 25)	(2.097.648.789)	-
Sử dụng trong kỳ	(4.268.046.130)	-
Số dư cuối kỳ	10.118.017.371	2.829.679.241

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	408.385.929.337	(315.345.006.691)	1.404.995.033.110
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	49.758.696.349	49.758.696.349
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 24)	-	-	-	(2.787.586.386)	(2.787.586.386)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(408.385.929.337)	408.385.929.337	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	-	140.012.032.609	1.451.966.143.073
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	82.773.441.246	82.773.441.246
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.787.586.383)	(2.787.586.383)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	875.245.360.000	436.708.750.464	-	219.997.887.472	1.531.951.997.936
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	126.906.150.686	126.906.150.686
Cổ tức (Thuyết minh số 27)	-	-	-	(17.504.907.200)	(17.504.907.200)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 24)	-	-	-	(10.894.569.166)	(10.894.569.166)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (Thuyết minh số 24)	-	-	-	2.097.648.789	2.097.648.789
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	-	(442.784.583)	(442.784.583)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	(418.292.499)	(418.292.499)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	875.245.360.000	436.708.750.464	-	319.741.133.499	1.631.695.243.963

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

27. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025 là 17.505 triệu VND (tương đương 200 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: Không).

28. Các khoản mục ngoài báo cáo tài hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	23.041.093.738	5.183.936.984
Từ hai đến năm năm	113.770.664.474	107.751.391.742
Sau năm năm	441.787.786.185	452.563.797.810
	578.599.544.397	565.499.126.536

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	2	29 - 47 năm	571.090.520.976	565.499.126.536
Thuê văn phòng	1	3 năm	7.509.023.421	-
			<u>578.599.544.397</u>	<u>565.499.126.536</u>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	-	-	199.962	5.214.409.074

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	95.611.000.000	-

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán sản phẩm	977.137.792.286	845.046.351.913
▪ Cung cấp dịch vụ	5.326.801.995	3.611.708.623
▪ Doanh thu khác	7.705.035.982	265.630.269
	<u>990.169.630.263</u>	<u>848.923.690.805</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Sản phẩm đã bán	827.440.219.439	781.311.650.307
Dịch vụ đã cung cấp	1.287.944.116	2.399.529.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	2.538.690.965	21.556.638.291
Giá vốn khác	-	133.663.234
	831.266.854.520	805.401.481.716

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	12.069.079.343	8.422.815.045
Thu nhập từ cổ tức và phân phối lợi nhuận	3.100.027.500	25.900.518.682
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	453.165	853.706.793
	15.169.560.008	35.177.040.520

32. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí đi vay	2,600,264,314	8,370,717,797
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	293.681.962	6.014.416
	2.893.946.276	8.376.732.213

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.593.737.365	2.317.433.000
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	21.143.409	5.389.834.763
Chi phí bán hàng khác	4.772.000	77.083.854
	4.619.652.774	7.784.351.617

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi	17.432.719.909	-
Chi phí nhân viên	9.708.999.987	6.205.062.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.711.863.360	1.638.337.185
Chi phí thuê đất	3.113.794.814	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.886.090.205	3.000.891.477
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	249.548.817	949.503.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.664.699.771	1.049.814.640
	39.767.716.863	12.843.609.079

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	748.540.718.831	703.987.725.662
Chi phí nhân công và nhân viên	37.588.148.787	36.527.067.906
Chi phí khấu hao và phân bổ	39.830.839.541	42.910.157.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.806.750.521	28.854.686.255
Chi phí khác	19.887.766.477	13.749.805.473

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.906.150.686	49.758.696.349
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.381.230.137	9.951.739.270
Thu nhập được miễn thuế	(620.005.500)	(5.180.103.736)
Chi phí không được khấu trừ thuế	93.497.280	228.015.686
Lỗ tính thuế được sử dụng	(25.087.262.492)	(9.310.978.878)
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	232.540.575	4.311.327.658
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	31.429.193.063	6.285.838.613	30.266.490.192	6.053.298.038
Lỗ tính thuế	136.767.749.781	27.353.549.956	262.204.062.239	52.440.812.448
	168.196.942.844	33.639.388.569	292.470.552.431	58.494.110.486

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán	Lỗ tính thuế được khấu trừ VND
2029	Đã quyết toán	136.767.749.781

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực theo các quy định thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán sản phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	795.738.485.879	737.678.368.462
Bán nguyên vật liệu	-	115.000.667
Cung cấp dịch vụ	136.487.520	100.295.000
Mua vật liệu bao bì	502.955.142.780	-
Mua nguyên vật liệu	117.187.889.074	573.661.095.501
Mua tài sản cố định	-	300.207.000
Cổ tức công bố	10.437.440.000	-
Các công ty con		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán sản phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	14.839.584.447	17.516.909.803
Bán nguyên vật liệu	-	27.272.728
Mua hàng hóa	754.305.051	-
Các giao dịch khác	3.880.185	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận		
Bán sản phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	-	6.894.640
Bán nguyên vật liệu	-	14.013.200
Mua nguyên vật liệu	403.759.984	-
Cho vay	-	144.000.000.000
Thu nhập lãi	11.915.353.425	8.270.849.315
Hoàn trả khoản cho vay	14.000.000.000	-
Hoàn trả tiền lãi các khoản cho vay	26.211.561.639	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý		
Mua hàng hóa	96.016.000	-
Lợi nhuận được chia	-	165.000.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	73.232.127.071	36.365.212.827
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Tiền thuê đất	10.775.137.314	2.058.373.213
Mua hàng hóa	199.079.000	-
Mua dịch vụ	742.685.615	-
Cổ tức công bố	1.008.060.000	-
Các giao dịch khác	4.540.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua tài sản cố định	6.707.085.000	-
Mua hàng hóa	4.182.096.814	579.728.450
Mua dịch vụ	120.625.000	8.600.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Thu nhập từ cổ tức	1.350.027.000	900.018.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Thu nhập từ cổ tức	1.750.000.500	1.166.667.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.339.360.542	1.150.629.297
Phí cho thuê pallet	289.681.851	223.189.220

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Mua hàng hóa	1.270.041.474	-
Mua dịch vụ	45.962.840	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	171.907.899	6.177.279
Các giao dịch khác	202.865.000	-
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	83.820.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Mua hàng hóa	-	32.361.000
Các giao dịch khác	66.000.000	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	58.594.566	102.963
Mua dịch vụ	-	1.292.879
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Mua hàng hóa	-	54.441.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester	48.000.000	32.000.000
Ông Lâm Du An	42.000.000	28.000.000
Ông Đinh Quang Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thùy	36.000.000	24.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên	36.000.000	36.000.000
Ông Văn Thanh Liêm	-	16.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	-	12.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	-	12.000.000
Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	-	1.400.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	84.000.000	74.000.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	7.073.451.580	-

39. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, từ ngày ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng những quy định theo Thông tư 99. Theo đó, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	20.198.082.187	-
Phải thu về cho vay		-	364.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	40.844.465.496	61.042.547.683
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	364.000.000.000	-
Phải trả cổ tức	313	2.744.799.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	1.152.330.702	3.897.129.702

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025	30/6/2025
		(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Khấu hao và phân bổ	02	42.910.157.116	42.397.499.242
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	10.353.354.853	10.866.012.727

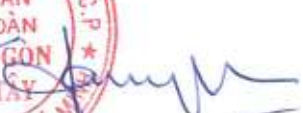
Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà
Kế toán trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật



